

Đơn vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG	Mã nguồn n NS	TỔNG HỢP THU HỒI DỰ TOÁN NS NĂM 2026				TRUNG TÂM GDNN-GDTX 2			
		Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó		
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm		Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí									
1. Số thu									
2. Số thu nộp Ngân sách									
3. Số thu được để lại chi									
II. Dự toán chi NSNN		16.627.385,428	508.920,344	13.437.768,484	2.680.696,600	8.095.806,268	71.295,000	6.933.115,468	1.091.395,800
Tổng số chi		16.627.385,428	508.920,344	13.437.768,484	2.680.696,600	8.095.806,268	71.295,000	6.933.115,468	1.091.395,800
1. Sự nghiệp Giáo dục		16.147.038,684	28.573,600	13.437.768,484	2.680.696,600	8.040.471,268	15.960,000	6.933.115,468	1.091.395,800
Trong đó:									
1.1.Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	13	17.073,600	17.073,600			15.960,000	15.960,000		
1.2.Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	12	16.129.965,084	11.500,000	13.437.768,484	2.680.696,600	8.024.511,268	-	6.933.115,468	1.091.395,800
Trong đó:									
Kinh phí chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, các khoản chi khác	12	7.456.422,884	-	7.456.422,884	-	3.704.002,468		3.704.002,468	-
+ Trong đó: Đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	12	109.800,000	-	109.800,000	-	90.200,000		90.200,000	-
+ Kinh phí tiết kiệm thêm 10% bổ sung nguồn chi an sinh xã hội	12	109.800,000	-	109.800,000	-	90.200,000		90.200,000	-
Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	12	360.833,200	-	360.833,200	-	183.913,000		183.913,000	-
Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	12	28.240,000	-	28.240,000	-	-		-	-
Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	12	550.850,000	-	550.850,000	-	259.200,000		259.200,000	-

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 971/QĐ-SGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2026)

NỘI DUNG	Mã nguồn n NS	TỔNG HỢP THU HỒI DỰ TOÁN NS NĂM 2026				TRUNG TÂM GDNN-GDTX 2			
		Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó		
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm		Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm
Hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP	12	4.841.768,000	-	4.841.768,000	-	2.747.360,000		2.747.360,000	-
Hỗ trợ cho người khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT	12	47.291,000	11.500,000	35.791,000	-	24.640,000		24.640,000	-
Hợp đồng giáo viên thỉnh giảng	12	108.863,400	-	108.863,400	-	-		-	-
Gia hạn phần mềm Kế toán MiSa	12	10.000,000	-	10.000,000	-	-		-	-
Phần mềm quản lý tài sản	12	19.000,000	-	19.000,000	-	2.000,000		2.000,000	-
Phần mềm quản lý cán bộ	12	26.000,000	-	26.000,000	-	12.000,000		12.000,000	-
Hỗ trợ HS bán trú ôn thi tốt nghiệp THPT năm học 2025-2026	12	18.696,600	-	-	18.696,600	11.395,800		-	11.395,800
Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương	12	2.662.000,000	-	-	2.662.000,000	1.080.000,000		-	1.080.000,000
2. Chương trình mục tiêu quốc gia		480.346,744	480.346,744	-	-	55.335,000	55.335,000	-	-
1. Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		349.298,779	349.298,779	-	-	21.985,700	21.985,700	-	-
Trong đó:	12								
Tiểu dự án 3 của dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết cho người làm cho người lao động vùng DTTTS&MN (NSDP)	12	33.160,360	33.160,360						
Tiểu dự án 3 của dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết cho người làm cho người lao động vùng DTTTS&MN (NSTW)	12	316.138,419	316.138,419			21.985,700	21.985,700		
2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		131.047,965	131.047,965	-	-	33.349,300	33.349,300	-	-

NỘI DUNG	Mã nguồn NS	TỔNG HỢP THU HỒI DỰ TOÁN NS NĂM 2026				TRUNG TÂM GDNN-GDTX 2			
		Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó		
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm		Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm
Trong đó									
Tiểu dự án 1 của dự án 4: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (NSTW)	12	131.047,965	131.047,965			33.349,300	33.349,300		

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TRUNG TÂM GDNN-GDTX 3				TRUNG TÂM GDNN-GDTX 4				GHI CHÚ
Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			
	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm		Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm	
3.834.472,998	176.455,688	2.076.017,310	1.582.000,000	4.697.106,162	261.169,656	4.428.635,706	7.300,800	
3.834.472,998	176.455,688	2.076.017,310	1.582.000,000	4.697.106,162	261.169,656	4.428.635,706	7.300,800	
3.669.517,310	11.500,000	2.076.017,310	1.582.000,000	4.437.050,106	1.113,600	4.428.635,706	7.300,800	
-			-	1.113,600	1.113,600			
3.669.517,310	11.500,000	2.076.017,310	1.582.000,000	4.435.936,506	-	4.428.635,706	7.300,800	
1.174.296,110		1.174.296,110	-	2.578.124,306		2.578.124,306	-	
7.400,000		7.400,000	-	12.200,000		12.200,000	-	
7.400,000		7.400,000	-	12.200,000		12.200,000	-	
88.310,200		88.310,200	-	88.610,000		88.610,000	-	
10.000,000		10.000,000	-	18.240,000		18.240,000	-	
114.500,000		114.500,000	-	177.150,000		177.150,000	-	

SỔ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 971/QĐ-SGDDT ngày 22 tháng 9 năm 2026)

TRUNG TÂM GDNN-GDTX 3				TRUNG TÂM GDNN-GDTX 4				GHI CHÚ
Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			
	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm		Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm	
609.720,000		609.720,000	-	1.484.688,000		1.484.688,000	-	
15.011,000	11.500,000	3.511,000		7.640,000		7.640,000	-	
46.680,000		46.680,000	-	62.183,400		62.183,400	-	
10.000,000		10.000,000	-	-		-	-	
17.000,000		17.000,000	-	-		-	-	
2.000,000		2.000,000	-	12.000,000		12.000,000	-	
-		-	-	7.300,800		-	7.300,800	
1.582.000,000		-	1.582.000,000	-		-	-	
164.955,688	164.955,688	-	-	260.056,056	260.056,056	-	-	
94.002,190	94.002,190	-	-	233.310,889	233.310,889	-	-	
33.160,360	33.160,360			-				
60.841,830	60.841,830			233.310,889	233.310,889			
70.953,498	70.953,498	-	-	26.745,167	26.745,167	-	-	

TRUNG TÂM GDNN-GDTX 3				TRUNG TÂM GDNN-GDTX 4				GHI CHÚ
Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			Thu hồi dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			
	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm		Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm	
70.953,498	70.953,498			26.745,167	26.745,167			